

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất
Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	23	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	19	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	04	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	00	-
7	Bình quân lớp/phòng học	01	-
8	Bình quân học sinh/lớp	44,8	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3440,9m ²	4,8
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1300 m ²	1,8
VI	Tổng diện tích các phòng	1640 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48 m ² /phòng	1,14 m ² /HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	04	189 m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	01	50 m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	02	162 m ²
6	Diện tích Hội trường	01	100 m ²
7	Diện tích các phòng khu hiệu bộ	06	120 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10		01 bộ/ lớp
1.2	Khối lớp 11		01 bộ/ lớp
1.3	Khối lớp 12		01 bộ/ lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	06	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	23	
2	Cắt xét	00	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác: Màn hình Led	00	
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	23	01
2	Cắt xét	00	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	00	
5	Thiết bị khác: Màn hình Led	00	
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT - BGDDT ban hành ngày 15 tháng 9 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2020 và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Phủ Tâm, ngày 03 tháng 4 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Trạch Anh Tú